

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 28

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1400460395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp vào ngày 30 tháng 12 năm 2003, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DMC theo Giấy phép niêm yết số 94/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên, và nước uống từ dược liệu; nguyên liệu, thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; thu mua, trồng và chiết xuất dược liệu làm thuốc.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 66, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có mười hai (12) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Đình Bửu Trí	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 12 tháng 1 năm 2018
Ông Nguyễn Chí Thành	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 12 tháng 1 năm 2018
Bà Lương Thị Hương Giang	Thành viên	
Ông Huỳnh Trung Chánh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Hóa	Thành viên	
Ông Douglas Kue	Thành viên	
Ông Peter Huang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 1 năm 2018
Ông Lee Yoon Kiem	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 1 năm 2018
Ông Sean Philip Shrimpton	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 1 năm 2018
Ông Aemer Mahmud Malik	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 1 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phi Thức	Trưởng ban
Ông Phan Thế Thành	Thành viên
Bà Servane Marie Amelie Gorgiard	Thành viên
Ông Yap Khin Choy	Thành viên
Ông Samuel Timothy Nance	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lương Thị Hương Giang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hóa	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Lương Thị Hương Giang.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61197154/19356458

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco ("Công ty"), được lập tại ngày 28 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 28, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3021-2014-004-1



Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1541-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.079.210.647.199	842.929.797.299
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	158.731.379.082	92.319.493.954
111	1. Tiền		88.731.379.082	72.319.493.954
112	2. Các khoản tương đương tiền		70.000.000.000	20.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		270.000.000.000	115.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	270.000.000.000	115.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		400.550.889.279	311.307.010.367
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	380.536.846.762	300.890.087.360
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.593.153.872	1.337.079.001
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	19.092.372.499	14.607.612.108
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7	(2.671.483.854)	(5.527.768.102)
140	IV. Hàng tồn kho	8	244.889.043.055	320.318.925.211
141	1. Hàng tồn kho		244.889.043.055	320.318.925.211
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.039.335.783	3.984.367.767
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	4.797.473.501	3.984.367.767
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		241.862.282	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		226.262.691.992	241.064.347.045
220	I. Tài sản cố định		200.927.820.437	219.085.635.065
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	152.530.989.447	169.441.401.803
222	Nguyên giá		439.723.580.881	429.045.147.231
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(287.192.591.434)	(259.603.745.428)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	48.396.830.990	49.644.233.262
228	Nguyên giá		57.650.853.583	57.650.853.583
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.254.022.593)	(8.006.620.321)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		2.464.967.410	1.379.609.855
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	2.464.967.410	1.379.609.855
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12	12.001.581.740	10.572.927.503
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		20.000.000.000	20.000.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(7.998.418.260)	(9.427.072.497)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		10.868.322.405	10.026.174.622
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.941.484.907	4.640.793.170
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.3	8.926.837.498	5.385.381.452
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.305.473.339.191	1.083.994.144.344

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		352.667.425.223	200.360.742.957
310	I. Nợ ngắn hạn		351.855.610.412	199.685.823.127
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	162.270.656.416	120.021.311.688
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		964.967.393	5.293.777.115
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	21.363.505.805	17.905.654.197
314	4. Phải trả người lao động		63.613.225.232	24.060.726.269
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	48.041.909.369	30.009.383.214
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	53.301.931.479	2.000.492.157
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.299.414.718	394.478.487
330	II. Nợ dài hạn		811.814.811	674.919.830
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	811.814.811	674.919.830
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		952.805.913.968	883.633.401.387
410	I. Vốn chủ sở hữu	18.1	952.805.913.968	883.633.401.387
411	1. Vốn cổ phần		347.274.650.000	347.274.650.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		347.274.650.000	347.274.650.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		60.333.949.894	60.333.949.894
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		389.626.548.814	306.365.742.022
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		155.570.765.260	169.659.059.471
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		-	1.192.646.914
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		155.570.765.260	168.466.412.557
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.305.473.339.191	1.083.994.144.344



Đoàn Thị Quyên
Người lập



Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng




Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	19.1	1.363.513.240.162	1.292.818.274.701
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(23.862.651.784)	(5.611.084.135)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	19.1	1.339.650.588.378	1.287.207.190.566
11	4. Giá vốn hàng bán	20	(804.867.971.667)	(789.645.767.839)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		534.782.616.711	497.561.422.727
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	15.862.747.401	9.649.114.664
22	7. Chi phí tài chính	22	595.617.464	(5.587.476.326)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(197.567.029.628)	(195.613.811.337)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(96.853.457.390)	(95.173.492.194)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		256.820.494.558	210.835.757.534
31	11. Thu nhập khác	23	3.675.964.712	994.136.894
32	12. Chi phí khác	23	(834.453.188)	(1.183.962.857)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	23	2.841.511.524	(189.825.963)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		259.662.006.082	210.645.931.571
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(55.541.499.368)	(44.555.532.980)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	25.3	3.541.456.046	2.376.013.966
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		207.661.962.760	168.466.412.557
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.4	5.980	4.485
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.4	5.980	4.485



Đoàn Thị Quyền
Người lập



Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng




Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		259.662.006.082	210.645.931.571
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản	9, 10	30.284.560.777	31.844.848.092
03	(Hoàn nhập các khoản dự phòng các khoản dự phòng)		(4.284.938.485)	2.679.278.458
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		130.351.945	232.539.260
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(13.669.278.716)	(7.450.169.484)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		272.122.701.603	237.952.427.897
09	Tăng các khoản phải thu		(78.362.715.279)	(5.289.161.886)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		75.429.882.156	(42.745.756.280)
11	Tăng các khoản phải trả		92.731.068.584	6.108.737.296
12	Giảm chi phí trả trước		4.852.913.149	4.244.279.963
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(51.761.945.698)	(43.446.202.536)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		581.106.781	656.584.631
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13.714.556.998)	(21.933.428.914)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		301.878.454.298	135.547.480.171
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(16.714.008.873)	(12.385.352.578)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		801.827.273	335.350.864
23	Tiền gửi kỳ hạn		(245.000.000.000)	(115.000.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		90.000.000.000	-
26	Tiền thu hồi giải thể công ty con		-	185.897.595
27	Lãi tiền gửi nhận được		4.923.052.417	2.223.153.619
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(165.989.129.183)	(124.640.950.500)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức đã trả		(69.454.915.400)	(53.427.594.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(69.454.915.400)	(53.427.594.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		66.434.409.715	(42.521.064.329)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		92.319.493.954	134.839.372.536
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(22.524.587)	1.185.747
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	158.731.379.082	92.319.493.954



Đoàn Thị Quyên
Người lập



Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng




Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1400460395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 30 tháng 12 năm 2003, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DMC theo Giấy phép niêm yết số 94/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên, và nước uống từ dược liệu; nguyên liệu, thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; thu mua, trồng và chiết xuất dược liệu làm thuốc.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 66, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có mười hai (12) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.282 người (31 tháng 12 năm 2016: 1.299 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà công ty có khả năng thu tiền dự kiến tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|---|
| Nguyên vật liệu, và hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giám giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu trừ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	37 - 50 năm
Bảng sáng chế	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	7 - 8 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng cho việc giảm giá khoản đầu tư góp vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ về ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.330.221.451	1.172.063.658
Tiền gửi ngân hàng	85.401.157.631	71.147.430.296
Các khoản tương đương tiền (*)	70.000.000.000	20.000.000.000
TỔNG CỘNG	158.731.379.082	92.319.493.954

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn dưới ba (3) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 4,2%/năm đến 5,5%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc 12 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 6,5%/năm đến 7,0%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bên khác	380.536.846.762	299.524.222.160
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 26)	-	1.365.865.200
TỔNG CỘNG	380.536.846.762	300.890.087.360
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.863.798.446)	(3.374.374.804)
GIÁ TRỊ THUẦN	378.673.048.316	297.515.712.556

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lãi	8.266.741.667	4.940.478.765
Tạm ứng cho nhân viên	375.324.784	870.345.089
Ký quỹ, ký cược	274.346.459	810.804.628
Phải thu khác	10.175.959.589	7.985.983.626
TỔNG CỘNG	19.092.372.499	14.607.612.108
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(807.685.408)	(2.153.393.298)
GIÁ TRỊ THUẦN	18.284.687.091	12.454.218.810

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	109.506.197.669	122.723.426.067
Thành phẩm	94.390.583.687	150.417.066.083
Hàng mua đang đi đường	26.577.427.189	23.990.942.724
Hàng hóa	8.860.333.307	6.243.806.493
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.554.501.003	16.943.683.824
GIÁ TRỊ THUẦN	244.889.043.055	320.318.925.211

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	176.483.065.956	198.230.143.819	44.777.984.722	9.553.952.734	429.045.147.231
Mua mới trong năm	-	-	2.814.203.593	-	2.814.203.593
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	243.148.381	9.032.133.316	-	222.641.045	9.497.922.742
Thanh lý	-	-	(1.633.692.685)	-	(1.633.692.685)
Số cuối năm	176.726.214.337	207.262.277.135	45.958.495.630	9.776.593.779	439.723.580.881
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	13.157.872.352	89.055.316.740	17.576.070.422	8.642.444.241	133.431.703.795
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(72.383.565.833)	(148.543.406.341)	(29.839.366.956)	(8.837.406.298)	(259.603.745.428)
Khấu hao trong năm	(7.948.324.654)	(15.714.148.576)	(5.096.140.817)	(278.544.458)	(29.037.158.505)
Thanh lý	-	-	1.448.312.499	-	1.448.312.499
Số cuối năm	(80.331.890.487)	(164.257.554.917)	(33.487.195.274)	(9.115.950.756)	(287.192.591.434)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	104.099.500.123	49.686.737.478	14.938.617.766	716.546.436	169.441.401.803
Số cuối năm	96.394.323.850	43.004.722.218	12.471.300.356	660.643.023	152.530.989.447

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Bằng sáng chế	Phần mềm máy tính
	Tổng cộng		
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	52.217.281.417	3.429.714.286	2.003.857.880
<i>Trong đó:</i>			
Đã hao mòn hết	-	1.269.000.000	1.488.574.128
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(3.847.251.152)	(2.372.703.994)	(1.786.665.175)
Hao mòn trong năm	(730.924.548)	(432.400.012)	(84.077.712)
Số cuối năm	(4.578.175.700)	(2.805.104.006)	(1.870.742.887)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	48.370.030.265	1.057.010.292	217.192.705
Số cuối năm	47.639.105.717	624.610.280	133.114.993

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình Cần Lố	1.236.526.736	856.345.030
Nhà máy sản xuất thuốc Nonbetalactam	421.471.798	237.187.411
Khác	806.968.876	286.077.414
TỔNG CỘNG	2.464.967.410	1.379.609.855

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn đầu tư		Vốn đầu tư	
	(VND)	% sở hữu	(VND)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	20.000.000.000	6,67	20.000.000.000	6,67
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(7.998.418.260)		(9.427.072.497)	
GIÁ TRỊ THUẬN	12.001.581.740		10.572.927.503	

Công ty Cổ phần Bao bì ATP ("ATP") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3700811591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. ATP có trụ sở chính tại Số 99A, Tổ 3A, Khu phố 5, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của ATP là sản xuất và cung cấp bao bì chất dẻo cho các nhà sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, thuốc thú y, thực phẩm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	4.797.473.501	3.984.367.767
Công cụ, dụng cụ	4.102.955.148	3.012.716.398
Chi phí thuê cửa hàng, văn phòng	329.142.750	280.160.007
Chi phí khác	365.375.603	691.491.362
Dài hạn	1.941.484.907	4.640.793.170
Công cụ, dụng cụ	1.624.695.314	3.492.166.920
Chi phí sửa chữa	264.610.272	980.085.742
Chi phí khác	52.179.321	168.540.508
TỔNG CỘNG	6.738.958.408	8.625.160.937

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên khác	160.664.741.244	118.411.159.273
Công ty TNHH Dược Sinobright	35.267.761.610	19.517.598.000
Phải trả đối tượng khác	125.396.979.634	98.893.561.273
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	1.605.915.172	1.610.152.415
TỔNG CỘNG	162.270.656.416	120.021.311.688

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.993.248.578	55.541.499.368	51.761.945.698	15.772.802.248
Thuế giá trị gia tăng	4.566.690.636	48.056.257.008	48.768.480.374	3.854.467.270
Thuế thu nhập cá nhân	1.343.707.077	2.803.573.061	2.411.815.766	1.735.464.372
Các loại thuế khác	2.007.906	12.473.922	13.709.913	771.915
TỔNG CỘNG	17.905.654.197	106.413.803.359	102.955.951.751	21.363.505.805

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoa hồng bán hàng	44.634.187.490	26.926.907.275
Chi phí trích trước khác	3.407.721.879	3.082.475.939
TỔNG CỘNG	48.041.909.369	30.009.383.214

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	53.301.931.479	2.000.492.157
Cổ tức	52.104.723.000	13.510.900
Thù lao Hội đồng Quản trị	480.537.822	1.166.330.022
Nhận ký quỹ, ký cược	42.175.000	276.817.550
Các khoản khác	674.495.657	543.833.685
Dài hạn	811.814.811	674.919.830
Nhận ký quỹ, ký cược	811.814.811	674.919.830
TỔNG CỘNG	54.113.746.290	2.675.411.987

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế Domesco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 *Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	267.137.970.000	140.470.629.894	243.133.031.737	142.751.926.320	793.493.557.951
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(4.300.000.000)	(4.300.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	62.597.793.495	(83.831.685.406)	(21.233.891.911)
Cổ tức công bố	-	-	-	(53.427.594.000)	(53.427.594.000)
Tăng vốn	80.136.680.000	(80.136.680.000)	-	-	-
Tăng khác	-	-	656.584.631	-	656.584.631
Giảm khác	-	-	(21.667.841)	-	(21.667.841)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	168.466.412.557	168.466.412.557
Số cuối năm	347.274.650.000	60.333.949.894	306.365.742.022	169.659.059.471	883.633.401.387
Năm nay					
Số đầu năm	347.274.650.000	60.333.949.894	306.365.742.022	169.659.059.471	883.633.401.387
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(4.800.000.000)	(4.800.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	82.679.700.011	(95.404.129.471)	(12.724.429.460)
Cổ tức công bố	-	-	-	(121.546.127.500)	(121.546.127.500)
Tăng khác	-	-	581.106.781	-	581.106.781
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	207.661.962.760	207.661.962.760
Số cuối năm	347.274.650.000	60.333.949.894	389.626.548.814	155.570.765.260	952.805.913.968

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	VND Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm và số cuối năm	347.274.650.000	347.274.650.000
Cổ tức		
Cổ tức của năm trước đã công bố	69.454.930.000	53.427.594.000
Cổ tức tạm ứng năm nay	52.091.197.500	-
Cổ tức đã trả	69.454.915.400	53.427.594.000

18.3 Vốn cổ phần

	Số cuối năm	Cổ phiếu Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	34.727.465	34.727.465
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	34.727.465	34.727.465
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	34.727.465	34.727.465

18.4 Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	207.661.962.760	168.466.412.557
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	(12.724.429.460)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	207.661.962.760	155.741.983.097
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	34.727.465	34.727.465
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND) (Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu)	5.980	4.485
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND)	5.980	4.485

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2016 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHCD-DMC ngày 21 tháng 4 năm 2017.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2017 do kế hoạch phân phối lợi nhuận.

Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng doanh thu	1.363.513.240.162	1.292.818.274.701
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	1.176.472.968.852	1.139.959.829.253
Doanh thu bán hàng hóa	187.040.271.310	152.858.445.448
Trừ: hàng bán bị trả lại	23.862.651.784	5.611.084.135
DOANH THU THUẦN	1.339.650.588.378	1.287.207.190.566
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	1.324.359.137.548	1.276.631.264.829
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 26)	15.291.450.830	10.575.925.737

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền gửi	13.189.794.084	7.163.632.384
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.514.560.824	1.648.489.405
Các khoản khác	1.158.392.493	836.992.875
TỔNG CỘNG	15.862.747.401	9.649.114.664

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn thành phẩm đã bán	633.770.979.091	657.971.781.513
Giá vốn hàng hóa đã bán	171.096.992.576	131.673.986.326
TỔNG CỘNG	804.867.971.667	789.645.767.839

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	197.567.029.628	195.613.811.337
Chi phí lương nhân viên bán hàng	91.148.121.936	67.462.007.675
Hoa hồng bán hàng	74.557.511.383	90.273.221.042
Chi phí khác	31.861.396.309	37.878.582.620
Chi phí quản lý doanh nghiệp	96.853.457.390	95.173.492.194
Chi phí lương nhân viên quản lý	61.308.409.933	63.098.908.187
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	12.570.155.155	10.591.950.110
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.430.778.130	9.754.007.534
Chi phí khác	14.544.114.172	11.728.626.363
TỔNG CỘNG	294.420.487.018	290.787.303.531

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	540.053.223	2.039.965.174
Chiết khấu thanh toán	290.424.208	2.074.227.258
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.428.654.237)	2.596.069.185
Lỗ từ giải thể công ty con	-	(1.125.176.216)
Khác	2.559.342	2.390.925
TỔNG CỘNG	(595.617.464)	5.587.476.326

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	3.675.964.712	994.136.894
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	920.870.640	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	616.447.087	335.350.864
Thu nhập khác	2.138.646.985	658.786.030
Chi phí khác	(834.453.188)	(1.183.962.857)
Xóa sổ công nợ	(682.490.733)	-
Xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	(136.962.455)	(1.173.989.980)
Khác	(15.000.000)	(9.972.877)
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC	2.841.511.524	(189.825.963)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	694.634.152.510	735.515.369.974
Chi phí nhân viên	194.624.198.727	196.403.643.144
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 9 và 10)	30.284.560.777	31.844.848.092
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.301.506.198	51.653.217.763
Chi phí khác	70.034.084.891	92.562.736.834
TỔNG CỘNG	1.045.878.503.103	1.107.979.815.807

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	55.541.499.368	44.555.532.980
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(3.541.456.046)	(2.376.013.966)
TỔNG CỘNG	52.000.043.322	42.179.519.014

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	259.662.006.082	210.645.931.571
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	51.932.401.216	42.129.186.314
Điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	67.642.106	50.332.700
Chi phí thuế TNDN	52.000.043.322	42.179.519.014

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

			VND	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí phải trả ngắn hạn	8.926.837.498	5.385.381.452	3.541.456.046	2.376.013.966
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	8.926.837.498	5.385.381.452		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh			3.541.456.046	2.376.013.966

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	VND	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Bên liên quan	Bán nguyên liệu	15.291.450.830	10.575.925.737
Công ty TNHH Domenol	Công ty con	Mua nguyên liệu	-	3.295.440.000
		Mua tài sản cố định	-	4.332.102.405
Công ty Cổ phần Bao bì Công nghệ cao Vĩnh Tường	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	-	28.500.000

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

				VND
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)				
Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Bên liên quan	Bán nguyên liệu	-	1.365.865.200
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)				
Công ty TNHH CFR International Spa	Cổ đồng	Mua nguyên liệu	1.605.915.172	1.610.152.415

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	5.625.142.500	5.380.998.370

27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Dưới 1 năm	804.681.818	456.000.000
Từ 1 năm đến 5 năm	1.030.454.545	984.000.000
TỔNG CỘNG	1.835.136.363	1.440.000.000

28. PHÂN LOẠI LOẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính này.

29. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất và kinh doanh được phẩm chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh dược phẩm và các dụng cụ y tế trong một khu vực địa lý. Do đó, không có yêu cầu trình bày thêm thông tin bộ phận.

30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
Đô la Mỹ (USD)	300	300
Đồng Yên Nhật (JPY)	-	1.024.800
Nợ khó đòi đã xử lý	2.031.768.388	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Đoàn Thị Quyên
Người lập



Phạm Ngọc Tuyền
Kế toán trưởng



Lương Thị Hương Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

CÔNG TY CP Digitally signed
XUẤT NHẬP by CÔNG TY CP
KHẨU Y TẾ
DOMESCO
Date: 2018.03.30
17:31:05 +07'00'

Số: 12 / HDQT-DMC

TP Cao Lãnh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

*"V/v giải trình biến động kết quả kinh doanh 2017 so với cùng 2016
có lợi nhuận sau thuế vượt trên 10%"*

Căn cứ vào Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu y tế Domesco (Mã CK: DMC) giải trình biến động kết quả kinh doanh trên báo cáo kiểm toán năm 2017 so với cùng kỳ năm 2016 như sau:

Chỉ tiêu	2017	2016	Tăng/giảm	
			Số tiền	Tỷ lệ
Doanh thu thuần	1.339.650.588.378	1.287.207.190.566	52.443.397.812	4,07%
Giá vốn	804.867.971.667	789.645.767.839	15.222.203.828	1,93%
Lãi gộp	534.782.616.711	497.561.422.727	37.221.193.984	7,48%
% lãi gộp	39,92%	38,65%	1,27%	3,27%
Thu nhập tài chính	15.862.747.401	9.649.114.664	6.213.632.737	64,40%
Chi phí tài chính	(595.617.464)	5.587.476.326	6.183.093.790	(110,66%)
Chi phí bán hàng	197.567.029.628	195.613.811.337	1.953.218.291	1,00%
Chi phí quản lý	96.853.457.390	95.173.492.194	1.679.965.196	1,77%
%CPRH & CPQL/DT	21,98%	22,59%	-0,61%	-2,71%
Lợi nhuận sau thuế	207.661.962.760	168.466.412.557	39.195.550.203	23,27%

Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo kiểm toán 2017 đạt 207,7 tỷ đồng tăng 23,3% tương đương tăng 39,2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2016 do những nguyên nhân chính sau:

- Doanh thu thuần tăng 4,1% so với mức tăng trưởng giá vốn là 1,9% do quản trị tốt các yếu tố đầu vào góp phần làm lợi nhuận gộp tăng 7,5% tương đương tăng 37,2 tỷ đồng.
- Lợi nhuận tài chính tăng mạnh so với cùng kỳ # 12,4 tỷ đồng nhờ vào việc quản trị tốt dòng tiền.
- Việc quản lý tốt chi phí giúp chi phí bán hàng và chi phí quản lý tăng nhẹ so với mức tăng trưởng doanh thu. Tỷ lệ chi phí bán hàng và chi phí quản lý trên doanh thu giảm nhẹ nên góp phần tiết kiệm được chi phí và gia tăng lợi nhuận cho công ty.

Công Ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Y tế DOMESCO kính giải trình cho Quý Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM và Quý cổ đông được rõ.

Trân trọng kính chào,

*** Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu



Lương Thị Hương Giang